TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 16-01-2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-3-2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08-4-2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19-4-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, nơi cư trú: Số 137B N, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đắc C, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10-01-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đắc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày 16-9-2003. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên nghi ngờ chị và ghen tuông mù quáng khi thấy chị nói chuyện với những người đàn ông khác. Chị và anh C đã nhiều lần trao đổi thẳng thắn với nhau về việc này nhưng không có tiếng

nói chung. Những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày cứ lớn dần, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, nhiều lần chị đã muốn ly hôn nhưng vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đắc M, sinh ngày 16-7-1998 đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Đắc C vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc cũng như không gửi ý kiến cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị T và anh C rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh C; về con chung, chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đắc M đã đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 16-9-

2003 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay, chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh C, đây là vụ án về việc ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Đắc C, có nơi cư trú tại: Tổ dân phố Bàng Đông, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 08-4-2019 và ngày 19-4-2019, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị T trình bày: Chị và anh C chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nghi ngờ chị và thường xuyên ghen tuông mù quáng. Chị và anh C đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn.

[4] Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố nơi chị T và anh C chung sống và xác minh tại gia đình anh C, xác định được: Mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã xảy ra chỉ sau vài năm anh chị chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến việc xảy ra xích mích, cãi vã. Chị T và anh C đã sống ly thân khoảng 10 năm nay, vợ chồng không còn qua lại, gặp gỡ nhau nữa. Hiện nay cả chị T và anh C đều đã có cuộc sống mới, việc chị T và anh C quay về đoàn tụ với nhau là rất khó. Bố đẻ anh C và con của chị T, anh C đều xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng và cùng có ý kiến thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C.

[5] Xét thấy, chị T và anh C đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị T và anh C được ly hôn.

[6] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đắc M, sinh ngày 16-7-1998. Con chung đã đủ 18 tuổi nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đắc C.

2. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0006926 ngày 16-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T và anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Trần Thế Sự** **Nguyễn Thanh Tùng**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Trần Thế Sự** **Nguyễn Thanh Tùng**